| | |
|---|---|
| **ỦY BAN NHÂN DÂN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **XÃ LA HIÊN** | **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc** |
| Số: 182/QĐ-UBND | *La Hiên, ngày 07 tháng 7 năm 2023* |

# QUYẾT ĐỊNH
## Về việc công khai quyết toán thu, chi ngân sách xã La Hiên năm 2022

## CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ LA HIÊN

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;*

*Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;*

*Căn cứ Quyết định số 3995/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2021 của UBND huyện Võ Nhai về việc giao dự toán ngân sách nhà nước huyện Võ Nhai năm 2022;*

*Căn cứ Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 06/7/2023 của Hội đồng nhân dân xã La Hiên, về việc phê chuẩn quyết toán thu, chi ngân sách xã La Hiên năm 2022.*

*Xét đề nghị của Văn phòng HĐND-UBND xã La Hiên.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công khai quyết toán thu, chi ngân sách xã La Hiên năm 2022, với nội dung sau:

*(Theo chi tiết các biểu 116,117,118,119,120 kèm theo)*

**Điều 2.** Giao cho Văn phòng HĐND-UBND và Bộ phận Tài chính-kế toán xã thực hiện công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2022 theo đúng quy định của Luật ngân sách Nhà nước.

**Điều 3.** Các ông (bà) Văn phòng HĐND-UBND, Kế toán ngân sách xã, trưởng các ban ngành đoàn thể và các đơn vị chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**
- Như điều 3 (để t/h);
- Đảng uỷ- HĐND để b/c);
- KBNN Võ Nhai (để b/c);
- Phòng TC-KH huyện (để b/c);
- Lưu: VP.

**CHỦ TỊCH**

U.B.N.D XÃ LA HIÊN H.VÕ NHAI T.THÁI NGUYÊN

**Tầm Văn Cử**

Biểu số 116/CK TC-NSNN

UBND Xã: La Hiên

# BIỂU CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

*(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)*

*Đơn vị: đồng*

| Nội dung thu | Quyết toán | Nội dung chi | Quyết toán |
|---|---|---|---|
| **Tổng số thu** | **13.584.000.191** | **Tổng số chi** | **12.718.255.705** |
| I. Các khoản thu xã hưởng 100 % | 180.506.000 | I. Chi đầu tư phát triển | 2.496.497.500 |
| II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1) | 1.121.167.197 | II. Chi thường xuyên | 7.342.152.822 |
| III. Thu bổ sung | 8.989.395.581 | III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có) | 2.861.185.383 |
| - Bổ sung cân đối ngân sách | 5.386.000.000 | IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên | 18.420.000 |
| - Bổ sung có mục tiêu | 3.603.395.581 | | |
| IV. Thu kết dư ngân sách năm trước | 1.054.473.223 | | |
| V. Thu viện trợ | | | |
| VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có) | 2.238.458.190 | | |
| **Kết dư ngân sách** | **865.744.486** | | |

**UBND Xã: La Hiên**

**Biểu số 117/CK TC - NSNN**

# QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

*(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)*

*Đơn vị: đồng*

| STT | NỘI DUNG | DỰ TOÁN | | QUYẾT TOÁN | | SO SÁNH (%) | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | THU NSNN | THU NSX | THU NSNN | THU NSX | THU NSNN | THU NSX |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 = 3/1 | 6 = 4/2 |
| | **Tổng số thu ngân sách xã** | **10.189.395.581** | **9.444.395.581** | **15.128.976.497** | **13.584.000.191** | **148,48** | **143,83** |
| **A** | **Thu ngân sách xã đã qua Kho bạc** | **10.189.395.581** | **9.444.395.581** | **15.128.976.497** | **13.584.000.191** | **148,48** | **143,83** |
| **I** | **Các khoản thu 100%** | **200.000.000** | **200.000.000** | **3.473.437.413** | **3.473.437.413** | **1.736,72** | **1.736,72** |
| | Thu chuyển nguồn | | | 2.238.458.190 | 2.238.458.190 | | |
| **1** | **Phí, lệ phí** | **150.000.000** | **150.000.000** | **138.606.000** | **138.606.000** | **92,40** | **92,40** |
| 1.1 | Phí, lệ phí do xã thu | 75.000.000 | 75.000.000 | 82.656.000 | 82.656.000 | 110,21 | 110,21 |
| 1.2 | Phí BVMT | | | | | | |
| 1.3 | Phí môn bài | 75.000.000 | 75.000.000 | 55.950.000 | 55.950.000 | 74,60 | 74,60 |
| 2 | Thu từ quỹ đất công ích và đất công | | | | | | |
| 4 | Đóng góp của nhân dân theo quy định | | | | | | |
| 5 | Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước | | | | | | |
| 6 | Thu kết dư ngân sách năm trước | | | 1.054.473.223 | 1.054.473.223 | | |
| 7 | Thu khác | 50.000.000 | 50.000.000 | 41.900.000 | 41.900.000 | 83,80 | 83,80 |
| **II** | **Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)** | **1.000.000.000** | **255.000.000** | **2.666.143.503** | **1.121.167.197** | **266,61** | **439,67** |
| | Các khoản thu phân chia (1) | | | | | | |
| 1 | Thu tiền sử dụng đất | | | 1.928.243.580 | 867.709.611 | | |
| 3 | Thuế ngoài quốc doanh | 440.000.000 | | 219.324.638 | | 49,85 | |
| 4 | Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình | | | | | | |
| 5 | Lệ phí trước bạ nhà, đất | 80.000.000 | 40.000.000 | 84.548.697 | 42.274.351 | 105,69 | 105,69 |
| 6 | Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp | 50.000.000 | | 9.350.438 | | 18,70 | |
| 7 | Thu cấp quyền sử dụng đất | 220.000.000 | 110.000.000 | 229.504.792 | 114.752.396 | 104,32 | 104,32 |
| 8 | Thuế GTGT | 430.000.000 | | 216.754.568 | | 50,41 | |
| 9 | Thuế từ CN KD | 210.000.000 | 105.000.000 | 172.433.401 | 86.216.718 | 82,11 | 82,11 |
| 10 | Thuế tài nguyên | | | | | | |
| 11 | Thuế TTĐB | 10.000.000 | | 2.570.070 | | 25,70 | |
| 12 | Thu khác ngoài quốc doanh | | | 15.977.715 | 6.834.000 | | |

| STT | NỘI DUNG | DỰ TOÁN | | QUYẾT TOÁN | | SO SÁNH (%) | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | THU NSNN | THU NSX | THU NSNN | THU NSX | THU NSNN | THU NSX |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 = 3/1 | 6 = 4/2 |
| 13 | Thuế thu nhập cá nhân | 430.000.000 | 215.000.000 | 408.698.435 | 204.349.235 | 95,05 | 95,05 |
| | Thu từ tiền lương, tiền công | | | 6.760.242 | 3.380.121 | | |
| **III** | **Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên** | **8.989.395.581** | **8.989.395.581** | **8.989.395.581** | **8.989.395.581** | **100,00** | **100,00** |
| | Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên | 5.386.000.000 | 5.386.000.000 | 5.386.000.000 | 5.386.000.000 | 100,00 | 100,00 |
| | Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên | 3.603.395.581 | 3.603.395.581 | 3.603.395.581 | 3.603.395.581 | 100,00 | 100,00 |
| | Thu tạm ứng từ ngân sách cấp trên | | | | | | |
| **IV** | **Viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)** | | | | | | |
| V | Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang (nếu có) | | | | | | |
| | Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương | | | | | | |
| **B** | **Thu ngân sách xã chưa qua KB** | | | | | | |

**UBND Xã: La Hiên**

**Biểu số 118/CK TC - NSNN**

# QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

*(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)*

*Đơn vị: đồng*

| STT | NỘI DUNG | DỰ TOÁN | | | QUYẾT TOÁN | | | SO SÁNH QT/DT(%) | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | TỔNG SỐ | ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN | THƯỜNG XUYÊN | TỔNG SỐ | ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN | THƯỜNG XUYÊN | TỔNG SỐ | ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN | THƯỜNG XUYÊN |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 = 4/1 | 8 = 5/2 | 9 = 6/3 |
| | **TỔNG CHI** | **13.887.559.511** | **4.086.547.500** | **9.801.012.011** | **12.718.255.705** | **2.966.497.500** | **9.751.758.205** | **91,58** | **72,59** | **99,50** |
| | Trong đó: | | | | | | | | | |
| | Tiết kiệm chi thêm 10% QLHC so với năm 2022 | | | | | | | | | |
| **A** | **Chi ngân sách xã đã qua Kho bạc** | **13.887.559.511** | **4.086.547.500** | **9.801.012.011** | **12.718.255.705** | **2.966.497.500** | **9.751.758.205** | **91,58** | **72,59** | **99,50** |
| ***I*** | ***Chi đầu tư phát triển (1)*** | ***3.616.547.500*** | ***3.616.547.500*** | | ***2.496.497.500*** | ***2.496.497.500*** | | ***69,03*** | ***69,03*** | |
| 1 | Chi đầu tư XDCB | 3.616.547.500 | 3.616.547.500 | | 2.496.497.500 | 2.496.497.500 | | 69,03 | 69,03 | |
| 2 | Chi đầu tư phát triển khác | | | | | | | | | |
| ***II*** | ***Chi thường xuyên*** | ***7.391.406.628*** | | ***7.391.406.628*** | ***7.342.152.822*** | | ***7.342.152.822*** | ***99,33*** | | ***99,33*** |
| ***1*** | ***Chi công tác dân quân tự vệ, an ninh trật tự*** | ***1.091.400.000*** | | ***1.091.400.000*** | ***1.076.110.609*** | | ***1.076.110.609*** | ***98,60*** | | ***98,60*** |
| | Chi dân quân tự vệ | 699.000.000 | | 699.000.000 | 694.866.409 | | 694.866.409 | 99,41 | | 99,41 |
| | Chi an ninh trật tự | 392.400.000 | | 392.400.000 | 381.244.200 | | 381.244.200 | 97,16 | | 97,16 |
| 2 | Chi sự nghiệp giáo dục | | | | | | | | | |
| 4 | Sự nghiệp văn hoá, thông tin | 481.000.000 | | 481.000.000 | 477.459.060 | | 477.459.060 | 99,26 | | 99,26 |
| 5 | Sự nghiệp thể dục thể thao | 22.000.000 | | 22.000.000 | 21.978.200 | | 21.978.200 | 99,90 | | 99,90 |
| ***6*** | ***Sự nghiệp kinh tế*** | ***471.259.481*** | | ***471.259.481*** | ***470.910.000*** | | ***470.910.000*** | ***99,93*** | | ***99,93*** |
| | SN giao thông | 325.000.000 | | 325.000.000 | 325.000.000 | | 325.000.000 | 100,00 | | 100,00 |
| | SN nông - lâm - thuỷ lợi - hải sản | 45.259.481 | | 45.259.481 | 45.000.000 | | 45.000.000 | 99,43 | | 99,43 |
| | Các sự nghiệp khác | 101.000.000 | | 101.000.000 | 100.910.000 | | 100.910.000 | 99,91 | | 99,91 |
| ***7*** | ***Sự nghiệp xã hội*** | ***68.448.000*** | | ***68.448.000*** | ***67.600.000*** | | ***67.600.000*** | ***98,76*** | | ***98,76*** |
| | Hưu xã và trợ cấp khác | 58.448.000 | | 58.448.000 | 57.600.000 | | 57.600.000 | 98,55 | | 98,55 |
| | Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa, cứu tế xã hội | | | | | | | | | |
| | Khác | 10.000.000 | | 10.000.000 | 10.000.000 | | 10.000.000 | 100,00 | | 100,00 |
| ***8*** | ***Chi quản lý nhà nước, Đảng, Đoàn thể*** | ***5.257.299.147*** | | ***5.257.299.147*** | ***5.228.094.953*** | | ***5.228.094.953*** | ***99,44*** | | ***99,44*** |

| STT | NỘI DUNG | DỰ TOÁN | | | QUYẾT TOÁN | | | SO SÁNH QT/DT(%) | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | TỔNG SỐ | ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN | THƯỜNG XUYÊN | TỔNG SỐ | ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN | THƯỜNG XUYÊN | TỔNG SỐ | ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN | THƯỜNG XUYÊN |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 = 4/1 | 8 = 5/2 | 9 = 6/3 |
| | Hội Cựu TNXP | | | | | | | | | |
| | Hội Nạn nhân chất độc da cam | | | | | | | | | |
| | Chi nộp trả ngân sách cấp trên | 18.420.000 | | 18.420.000 | 18.420.000 | | 18.420.000 | 100,00 | | 100,00 |
| 8.2 | Hội đồng nhân dân xã | 329.000.000 | | 329.000.000 | 320.552.360 | | 320.552.360 | 97,43 | | 97,43 |
| 8.2 | Uỷ ban nhân dân xã | 3.132.776.147 | | 3.132.776.147 | 3.132.497.060 | | 3.132.497.060 | 99,99 | | 99,99 |
| 8.2 | Đảng cộng sản Việt Nam | 959.356.000 | | 959.356.000 | 949.247.500 | | 949.247.500 | 98,95 | | 98,95 |
| 8.3 | Mặt trận tổ quốc Việt Nam | 260.167.000 | | 260.167.000 | 253.963.195 | | 253.963.195 | 97,62 | | 97,62 |
| 8.4 | Đoàn Thanh niên CSHCM | 122.000.000 | | 122.000.000 | 121.162.000 | | 121.162.000 | 99,31 | | 99,31 |
| 8.5 | Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam | 125.000.000 | | 125.000.000 | 124.888.480 | | 124.888.480 | 99,91 | | 99,91 |
| 8.6 | Hội Nông dân Việt Nam | 129.000.000 | | 129.000.000 | 128.400.598 | | 128.400.598 | 99,54 | | 99,54 |
| 8.7 | Hội Cưu chiến binh Việt Nam | 116.000.000 | | 116.000.000 | 115.220.760 | | 115.220.760 | 99,33 | | 99,33 |
| 8.8 | Hội chữ thập đỏ | 30.000.000 | | 30.000.000 | 29.158.200 | | 29.158.200 | 97,19 | | 97,19 |
| 8.9 | Hội người cao tuổi | 54.000.000 | | 54.000.000 | 53.004.800 | | 53.004.800 | 98,16 | | 98,16 |
| 9 | Tiết kiệm chi 10% | | | | | | | | | |
| ***III*** | ***Dự phòng*** | | | | | | | | | |
| IV | Chi chuyển nguồn sang năm sau (nếu có) | 2.861.185.383 | 470.000.000 | 2.391.185.383 | 2.861.185.383 | 470.000.000 | 2.391.185.383 | 100,00 | 100,00 | 100,00 |
| **B** | **Chi ngân sách xã chưa qua Kho bạc** | | | | | | | | | |
| 1 | Tạm ứng XDCB | | | | | | | | | |
| 2 | Tạm chi | | | | | | | | | |

UBND Xã: La Hiên

Biểu số 119/CK TC-NSNN

# QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2022

*(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)*

*Đơn vị tính: đồng*

| Tên công trình | Thời gian KC - HT | Tổng dự toán được duyệt | | Giá trị thực hiện từ 1/1 đến 31/12/2022 | Giá trị đã thanh toán năm 2022 | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Tổng số | Tr.đó: Nguồn đóng góp | | Tổng số | Trong đó thanh toán khối lượng năm trước | Chia theo nguồn vốn | |
| | | | | | | | Nguồn cân đối ngân sách | Nguồn đóng góp |
| **Tổng số** | | **9.709.767.888** | **3.261.936.096** | **6.221.033.596** | **2.496.497.500** | **688.800.000** | **2.496.497.500** | |
| ***1. Công trình chuyển tiếp*** | | ***2.165.083.096*** | ***1.396.300.096*** | ***2.165.083.096*** | ***688.800.000*** | ***688.800.000*** | ***688.800.000*** | |
| - Công trình: Đường bê tông xóm Hang Hon | 2021-2022 | 220.143.000 | 97.953.000 | 220.143.000 | 122.112.000 | 122.112.000 | 122.112.000 | |
| - Công trình: Đường bê tông xóm Làng Kèn | 2021-2022 | 220.143.000 | 97.953.000 | 220.143.000 | 122.112.000 | 122.112.000 | 122.112.000 | |
| - Công trình: Đường bê tông ngõ xóm Khuân Vạc | 2021 | 591.989.000 | 415.802.000 | 591.989.000 | 96.360.000 | 96.360.000 | 96.360.000 | |
| - Công trình: Đường BT ngõ xóm Làng Giai | 2021 | 337.743.108 | 232.671.108 | 337.743.108 | 105.072.000 | 105.072.000 | 105.072.000 | |
| - Công trình: Đường bê tông ngõ xóm Làng Lai | 2021 | 200.508.763 | 137.676.763 | 200.508.763 | 62.832.000 | 62.832.000 | 62.832.000 | |
| - Công trình: Đường bê tông ngõ xóm Cây Thị | 2021 | 418.842.000 | 293.046.000 | 418.842.000 | 125.796.000 | 125.796.000 | 125.796.000 | |
| - Công trình: Đường bê tông ngõ xóm Cây Bòng | 2021 | 66.748.254 | 45.892.254 | 66.748.254 | 20.856.000 | 20.856.000 | 20.856.000 | |
| - Công trình: Đường bê tông ngõ xóm La Đồng | 2021 | 108.965.971 | 75.305.971 | 108.965.971 | 33.660.000 | 33.660.000 | 33.660.000 | |
| ***2. Công trình khởi công mới*** | | ***7.544.684.792*** | ***1.865.636.000*** | ***4.055.950.500*** | ***1.807.697.500*** | ***0*** | ***1.807.697.500*** | |
| ***Trong đó: Hoàn thành trong năm*** | | ***3.277.950.500*** | ***1.765.636.000*** | ***3.277.950.500*** | ***1.029.697.500*** | ***0*** | ***1.029.697.500*** | |
| - Công trình: Đường trục xóm Cây Bòng | 2022 | 472.873.000 | 189.006.500 | 472.873.000 | 124.680.000 | | 124.680.000 | |
| - Công trình: Đường trục xóm Làng Giai | 2022 | 315.202.000 | 126.024.500 | 315.202.000 | 154.052.500 | | 154.052.500 | |
| - Công trình: Đường trục xóm Hang Hon | 2022 | 394.038.000 | 157.506.000 | 394.038.000 | 103.900.000 | | 103.900.000 | |
| - Công trình: Đường trục xóm Cây Thị | 2022 | 118.183.000 | 47.251.500 | 118.183.000 | 31.170.000 | | 31.170.000 | |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| - Công trình: Đường trục xóm Phố | 2022 | 315.202.000 | 126.024.500 | 315.202.000 | 189.177.500 | | 189.177.500 | |
| - Công trình: Đường trục xóm Đồng Đình | 2022 | 78.695.000 | 31.501.000 | 78.695.000 | 20.780.000 | | 20.780.000 | |
| - Công trình: Đường ngõ xóm Đồng Dong | 2022 | 74.832.000 | 52.633.000 | 74.832.000 | 22.199.000 | | 22.199.000 | |
| - Công trình: Đường ngõ xóm Làng Giai | 2022 | 194.873.000 | 136.846.500 | 194.873.000 | 58.026.500 | | 58.026.500 | |
| - Công trình: Đường ngõ xóm La Đồng | 2022 | 179.850.000 | 126.319.500 | 179.850.000 | 53.530.500 | | 53.530.500 | |
| - Công trình: Đường ngõ xóm Làng Lai | 2022 | 374.723.000 | 263.166.000 | 374.723.000 | 22.199.000 | | 22.199.000 | |
| - Công trình: Đường chính nội đồng xóm Xuân Hòa | 2022 | 112.389.000 | 47.150.000 | 112.389.000 | 65.239.000 | | 65.239.000 | |
| - Công trình: Đường chính nội đồng xóm Hiên Minh | 2022 | 59.950.500 | 25.207.000 | 59.950.500 | 34.743.500 | | 34.743.500 | |
| - Công trình: Nhà văn hóa xóm Đồng Đình, xã La Hiên, huyện Võ Nhai | 2022 | 587.140.000 | 437.000.000 | 587.140.000 | 150.000.000 | | 150.000.000 | |
| ***Chuyển tiếp sang 2023*** | | ***4.266.734.292*** | ***100.000.000*** | ***778.000.000*** | ***778.000.000*** | | ***778.000.000*** | |
| - Công trình: Cầu Giữa xóm Hang Hon, xã La Hiên | 2022-2023 | 1.800.000.000 | 100.000.000 | 78.000.000 | 78.000.000 | | 78.000.000 | |
| - Công trình: Hệ thống đường điện chiếu sáng, xã La Hiên năm 2022 | 2022-2023 | 2.466.734.292 | 0 | 700.000.000 | 700.000.000 | | 700.000.000 | |

**Biểu số 120/CK TC-NSNN**

**UBND Xã: La Hiên**

# THỰC HIỆN THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2022

*(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)*

*Đơn vị: đồng*

| NỘI DUNG | KẾ HOẠCH | | | THỰC HIỆN | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | THU | CHI | CHÊNH LỆCH (+) (-) | THU | CHI | CHÊNH LỆCH (+) (-) |
| **TỔNG CỘNG** | **507.914.528** | **198.360.000** | **309.554.528** | **507.914.528** | **198.360.000** | **309.554.528** |
| 1. Hoạt động quỹ công chuyên dùng | 253.957.264 | 99.180.000 | 154.777.264 | 253.957.264 | 99.180.000 | 154.777.264 |
| - Quỹ đền ơn đáp nghĩa | 88.155.089 | 37.100.000 | 51.055.089 | 88.155.089 | 37.100.000 | 51.055.089 |
| - Quỹ bảo trợ trẻ em | 42.510.089 | 9.628.000 | 32.882.089 | 42.510.089 | 9.628.000 | 32.882.089 |
| - Quỹ vì người nghèo | 39.708.997 | 18.000.000 | 21.708.997 | 39.708.997 | 18.000.000 | 21.708.997 |
| - Quỹ chăm sóc người cao tuổi | 65.108.089 | 21.150.000 | 43.958.089 | 65.108.089 | 21.150.000 | 43.958.089 |
| - Quỹ phòng chống thiên tai | 18.475.000 | 13.302.000 | 5.173.000 | 18.475.000 | 13.302.000 | 5.173.000 |

UBND XÃ LA HIÊN
**BỘ PHẬN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

# BÁO CÁO
# THUYẾT MINH QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2022 XÃ LA HIÊN

Căn cứ Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn; Căn cứ tình hình thực hiện công tác thu, chi Ngân sách năm 2022, Bộ phận Tài chính Kế toán xã báo cáo như sau:

**I. Một số đặc điểm:**

La Hiên là xã cửa ngõ của huyện Võ Nhai, là xã miền núi có tỷ lệ hộ nghèo 3,7%. Toàn xã có 2.242 hộ với 8.620 nhân khẩu sinh sống trên 16 xóm, có 8 dân tộc cùng chung sống đoàn kết bên nhau gồm các dân tộc: Tày, Mông, Dao, Kinh, Nùng, Mường, Trại và Cao Lan. Nghành nghề làm nông nghiệp là chủ yếu.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng trong năm 2022 thực hiện chủ trương đổi mới phát triển kinh tế-xã hội, chính quyền và nhân dân tộc xã La Hiện luôn phấn đấu, đẩy mạnh phát triển kinh tế xã hội, từng bước giảm nghèo, giáo dục, y tế được đầu tư, phát triển, xã hội ổn định, quốc phòng an ninh được giữ vững, phấn đấu thu đạt và vượt các chỉ tiêu thu cân đối, thực hiện chi Ngân sách theo đúng Luật ngân sách và các văn bản hướng dẫn, thực hiện đáp ứng nhu cầu chi cần thiết để đảm bảo cho mọi hoạt động thường xuyên của xã cũng như nhiệm vụ phát sinh đột xuất trong năm.

**II. Tình hình Tài chính-Ngân sách của xã.**

**1. Thu ngân sách xã.**

- Tổng thu ngân sách năm 2022: 13.584.000.191đ. Trong đó:

+ Thu cân đối ngân sách xã được hưởng: 1.301.673.197đ

+ Thu kết dư ngân sách năm trước: 1.054.473.223đ.

+ Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 8.989.395.581đ.

+ Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của NS xã: 2.238.458.190đ

Thu ngân sách xã thực hiện năm 2022 các chỉ tiêu được giao đã hoàn thành và đạt kết quả tốt, một số chỉ tiêu vượt thu so với kế hoạch như: Thu khác đạt 110,21%; Lệ phí trước bạ nhà, đất đạt 105,69%; Thu cấp quyền sử dụng đất đạt: 104,32%. Các chỉ tiêu

chưa đạt so với kế hoạch như: Phí môn bài đạt 74,6%; Thu khác đạt 83,8%, Thuế từ CNKD đạt 82,11%. Thu ngân sách xã đạt cao. Tổng thu ngân sách xã năm 2022 so với dự toán được giao đạt 143,83%.

**2. Chi ngân sách xã**

* Tổng chi ngân sách năm 2022: 12.718.255.705 đ đạt 99,50% KH. ***Trong đó:***

- Chi đầu tư phát triển: 2.496.497.500đ.
- Chi thường xuyên: 7.342.152.822đ
- Chi chuyển giao giữa các cấp NS: 18.420.000đ
- Chi chuyển nguồn: 2.861.185.383 đ.

Tổng chi ngân sách xã năm 2022 đạt 99,50% so với dự toán được giao. Nhìn chung kế hoạch chi năm 2022 được đảm bảo, đã thực hiện tiết kiệm trong chi tiêu, các chế độ chi lương, phụ cấp cho cán bộ, công chức, phụ cấp cho các đối tượng được chi trả đầy đủ theo quy định.

**3. Nguyên nhân tăng, giảm thu chi ngân sách xã:**

Được sự lãnh đạo chỉ đạo của Ban Thường vụ Đảng ủy xã, TT Hội đồng nhân dân xã và các cơ quan chuyên môn cấp trên trong việc quản lý, điều hành thu, chi ngân sách.

Năm 2022 mọi khoản thu đã kịp thời phản ánh vào ngân sách nhà nước. Một số chỉ tiêu thu đạt cao so với kế hoạch đề ra. Đạt được kết quả như trên là do công tác quản lý nguồn thu được chặt chẽ, sự chấp hành tốt của người dân, do hội đồng tư vấn thuế xã hoạt động tích cực, một số khoản thu tại địa phương được nắm bắt khoản thu đầy đủ.

Chi ngân sách đúng theo Luật ngân sách Nhà nước. Công tác chi thường xuyên, cân đối cơ bản đáp ứng được nhu cầu thiết yếu cho hoạt động của bộ máy chính quyền cấp xã, giải quyết kịp thời chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức khi có văn bản của cấp trên.

**** Nguyên nhân, kiến nghị, đề xuất.***

- *Khách quan:* Do giá cả thị trường biến động thường xuyên, xã La Hiên là xã cửa ngõ của huyện, địa bàn rộng, dân số đông, có nhiều Nhà máy, Xí nghiệp, Mỏ đá đóng trên địa bàn. Quy định chi nhiều mục chưa phù hợp với thực tế, văn bản hướng dẫn thu, chi còn chồng chéo, đôi khi chưa đáp ứng được nhu cầu chi thiết yếu cho bộ máy chính quyền xã và một số khoản chi cho phát sinh đột xuất khác

*Chủ quan:* La Hiên là xã có địa bàn xóm nhiều (16 xóm), dân số đông, đời sống nhân dân vừa làm Nông nghiệp và tham gia buôn bán kinh doanh nhỏ lẻ, nên trong quá

trình thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách chủ yếu là thuộc vào thu bổ sung cân đối từ cấp trên.

***- Kiến nghị, đề xuất***

Năm 2022 thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ, mục tiêu kinh tế xã hội trên địa bàn xã phát huy những kết quả đạt được và khắc phục những yếu kém tồn tại.

Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện, các cơ quan chuyên môn của huyện cùng với địa phương rà soát chống thất thu các khoản thu thuế để có nguồn thu đáp ứng nhiệm vụ chi các khoản cấp bách của địa phương khi cần thiết.

*La Hiên, ngày 07 tháng 7 năm 2023*

| **KẾ TOÁN TRƯỞNG** | **CHỦ TỊCH UBND XÃ** |
| --- | --- |
| **Hứa Thị Mùi** | **Tầm Văn Cử** |

| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>XÃ LA HIÊN | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập- Tự do- Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 356 /TB-TCKT | *La Hiên, ngày 07 tháng 7 năm 2023* |

# THÔNG BÁO

## Niêm yết công khai quyết toán thu chi ngân sách năm 2022

Căn cứ Luật chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 07/7/2023 của UBND xã La Hiên, về việc công khai quyết toán thu, chi ngân sách xã La Hiên năm 2022.

UBND xã La Hiên thực hiện công khai quyết toán thu, chi ngân sách xã La Hiên năm 2022, với nội dung sau:

*(Gồm Quyết định, biểu và thuyết minh)*

Với nội dung trên UBND xã La Hiên thông báo niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã La Hiên, loa đài của xã, trang thông tin điện tử (http://lahien.vonhai.thainguyen.gov.vn).

**Thời gian niêm yết:** Từ ngày 07 tháng 7 năm 2023 đến hết ngày 06 tháng 8 năm 2023.

Trong thời gian niêm yết các tập thể, cá nhân có khiếu nại phản ánh về UBND xã La Hiên qua đồng chí Hứa Thị Mùi - Công chức Tài chính - Kế toán xã, SĐT: 0914 078 605. Hết thời gian niêm yết nếu không có khiếu nại hay ý kiến gì, UBND xã sẽ thực hiện theo quy định./.

***Nơi nhận:***
- TT ĐU - HĐND xã;
- CT, PCT UBND xã;
- Lưu: Vp.

**CHỦ TỊCH**

**Tầm Văn Cử**